

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2022

V/v Ly hôn; Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST – HNGĐ ngày 06/9/2019 về tranh chấp ly hôn, hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS, ngày 26/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-DS, ngày 17/5/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 123/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thúy D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp A, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền (đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N): Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Thanh G, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp A, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền (đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N): Chị Lê Thúy D.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng N.

Địa chỉ: số C, đường L, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức A – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phước G – TP. KHKD Agribank chi nhánh huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Văn bản ủy quyền số 81/GUQ-NHNNo.VT-KHKD ngày 28 tháng 02 năm 2019.

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Hoàng D. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thúy D trình bày:

Bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị T vào năm 2016. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể chung sống được nữa. Ông bà đã ly thân với nhau. Nay bà Lê Thúy D yêu cầu được ly hôn với ông Trương Thanh G.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trương Lê Gia L, sinh ngày 19/8/2016, hiện do bà Lê Thúy D nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Lê Thúy D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông G cấp dưỡng.

Về tài sản: Ông bà có tài sản chung nhưng đang thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ông bà có nợ ngân hàng N số tiền 500.000.000 đ. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không trả lãi theo cam kết. Nay bà thống nhất trả số tiền nợ theo yêu cầu của ngân hàng. Phần đất thế chấp là do vợ chồng bà đứng tên, số tiền vay là để mua phần đất này. Nay chủ cũ của phần đất là bà Nguyễn Thị T còn đang sử dụng và ở trên phần đất này, ngoài ra vợ chồng bà không còn nợ ai.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 9 năm 2019 bị đơn ông Trương Thanh G trình bày:

Ông Trương Thanh G thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như bà Lê Thúy D trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay bà Lê Thúy D yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung như bà Lê Thúy D trình bày là đúng. Khi ly hôn ông thống nhất giao con chung cho bà Lê Thúy D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản: Ông bà có tài sản chung nhưng đang thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp huyện Vị Thủy. Ông bà có vay ngân hàng N số tiền 500.000.000 đ.

Trước đây bà Nguyễn Thị T là di của ông Trương Thanh G có nợ tiền của vợ chồng ông Trương Thanh G và bà Lê Thúy D, và đồng thời bà T cũng còn nợ Ngân hàng nên bà T kêu sang đất. Vì phần đất này là đất hương hỏa của ông bà nên ông Trương Thanh G và bà Lê Thúy D đứng ra sang lại để giữ phần đất này. Lúc chuyển nhượng có làm hợp đồng và đã làm thủ tục sang tên đúng quy định. Bà T chuyển nhượng cả phần đất và nhà trên đất. Sau đó ông Trương Thanh G và bà Lê Thúy D thế chấp phần đất này để vay Ngân hàng và lấy tiền vay để trả tiền mua đất cho bà T. Giá chuyển nhượng là 800.000.000 đ. Vợ chồng ông có thỏa thuận là nếu bà T có tiền thì vợ chồng ông sẽ bán lại cho bà T theo giá cũ vì đây là đất hương hỏa. Về phần tiền cho bà T mượn ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Hiện nay vợ chồng ông không có khả năng trả nợ nên thống nhất với yêu cầu của Ngân hàng. Ngoài ra vợ chồng ông không còn nợ ai.

Đại diện Ngân hàng N trình bày:

Vào năm 2017 Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh huyện Vị Thủy có ký hợp đồng tín dụng với bà Lê Thúy D (bà Lê Thúy D đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh G) cho vay số tiền 500.000.000 đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Từ khi vay đến nay bà D trả được nợ gốc là 50.000.000 đ, trả lãi là 32.423.612 đ. Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng bà D vẫn không thực hiện vẫn không thực hiện theo cam kết. Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu bà D và ông G phải trả số tiền còn nợ bao gồm tiền gốc 450.000.000 đ và tính lãi đến ngày giải quyết vụ án. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ yêu cầu thì hành các biện pháp kê biên tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Trước đây vào ngày 22/11/2017 bà cần tiền để mua xe nên bà và ông Lê Hoàng D cùng ông G, bà D thỏa thuận để bà làm hợp đồng chuyển nhượng phần đất của bà cho ông G, bà D nhờ ông G, bà D vay tiền ngân hàng dùm bà. Số tiền vay là

500.000.000 đ, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 11,5%/năm. Bà và ông Lê Hoàng D cùng ông G, bà D có thỏa thuận khi hết hạn 05 năm bà trả hết nợ thì ông G, bà D sẽ sang tên trả lại phần đất cho bà. Thực tế phần đất này là của bà, bà không có chuyển nhượng cho ông G, bà D. Bà không thống nhất việc Ngân hàng phát mãi phần đất, bà yêu cầu được trả số tiền nợ của hợp đồng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Còn việc hợp đồng chuyển nhượng giữa bà và ông G, bà D bà không có yêu cầu gì, vì đây là việc của nội bộ gia đình bà sẽ tự giải quyết. Lúc làm hợp chuyển nhượng bà chỉ làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông G.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp cho Tòa án: Trích lục giấy chứng nhận kết hôn; trích lục khai sinh; bản sao sổ hộ khẩu; giấy ủy quyền.

Ngân hàng đã nộp cho Tòa án: 04 bảng kê tính nợ tiền vay, bản sao giấy ủy quyền ngày 28/11/2017; Bản sao Quyết định 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014; Bản sao Quyết định 427/QĐ-NHNNo-TCTL ngày 30/3/2017; Bản sao biên bản xác định giá trị tài sản; Bản sao đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Bản sao hợp đồng tín dụng; Bản phô tô biên bản về việc xử lý nợ quá hạn và tài sản ngày 17/6/2018 và ngày 05/8/2018; bảng phô tô giấy chứng minh ông G và bà D; Bản phô tô sổ hộ khẩu ông Trương Thanh L1; Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, thống nhất trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng N yêu cầu ông G, bà D trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/7/2022 là 774.536.301 đ và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến ngày trả hết nợ. Ông Trương Thanh G, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Hoàng D vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G.

Về con chung: Giao con chung cho bà Lê Thúy D nuôi dưỡng.

Về tài nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G (do bà Lê Thúy D đại diện).

Bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Trương Thanh G, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Thanh G ủy quyền cho bà Lê Thúy D thay mặt ông giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với ngân hàng N. Tuy nhiên về tranh chấp ly hôn với bà D ông không có mặt tại phiên tòa để tham gia tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Thanh G, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Hoàng D theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thúy D yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh G và đơn khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy đã nhập 02 vụ án thành vụ án ly hôn. Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện:

[3.1]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thúy D với ông Trương Thanh G: Bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G hòa giải với nhau nhưng không mang lại kết quả. Ông Trương Thanh G cũng thống nhất ly hôn. Xét thấy hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và phải có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G đã phát sinh mâu thuẫn và không còn

sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G.

Về con chung: Bà Lê Thúy D yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy từ khi bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G ly thân đến nay cháu Trương Lê Gia Lâm sống với bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G cũng thống nhất giao con chung cho bà Lê Thúy D nuôi dưỡng. Do đó để ổn định cuộc sống hiện tại cho cháu Trương Lê Gia Lâm, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Trương Lê Gia Lâm cho bà Lê Thúy D tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Trương Thanh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Do bà Lê Thúy D không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu ông Trương Thanh G có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3.2]. Xét yêu cầu của Ngân hàng N:

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 7003-LAV-201702423, ký ngày 11/12/2017, bà Lê Thúy D (đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh G) vay của Ngân hàng số tiền gốc là 500.000.000 đ, mục đích vay mua đất ở, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 11,5%/năm, lãi suất quá hạn gốc bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm, lãi trả hàng tháng cùng kỳ trả gốc, có đảm bảo bằng tài sản. Từ khi vay đến nay bà D trả được nợ gốc là 50.000.000 đ, trả lãi là 32.423.612 đ.

Tính đến ngày 20/7/2022 bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G còn phải trả cho Ngân hàng số tiền 774.536.301đ, trong đó tiền gốc 450.000.000đ lãi trong hạn 224.864.384 đ, lãi quá hạn 99.671.918 đ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G vi phạm nghĩa vụ tại các Điều 4, 5, 7, 9 của hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thúy D (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh G) thống nhất với yêu cầu của Ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 774.536.301 đ, trong đó

tiền gốc 450.000.000đ lãi trong hạn 224.864.384 đ, lãi quá hạn 99.671.918 đ, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7003-LCP-201700847, ký ngày 08/12/2017 giữa Ngân hàng N và bà Lê Thúy D, ông Trương Thanh G thực hiện đúng quy định của pháp luật và đã hoàn thành việc đăng ký thế chấp.

Trên phần đất thế chấp có căn nhà cấp 4, theo biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm có thể hiện căn nhà cấp 4 nhưng chưa được cấp chứng nhận quyền sở hữu. Bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G cho rằng việc chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hoàng D là bao gồm cả căn nhà trên đất.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hoàng D hiện đang sinh sống trên căn nhà thuộc phần đất thế chấp. Bà Nguyễn Thị T không thừa nhận việc chuyển nhượng cho bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G mà cho rằng do cần tiền mua xe nên làm thủ tục chuyển nhượng nhờ bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G vay tiền. Chứng tỏ bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hoàng D biết việc bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G thế chấp tài sản này để vay tiền. Tòa án cũng đã trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Thanh G và bà Lê Thúy D. Hiện tại phần đất thế chấp do ông Trương Thanh G và bà Lê Thúy D đứng tên, có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hoàng D. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị T cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Đối với ông Lê Hoàng D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị T, ông Lê Hoàng D và bà Lê Thúy D, ông Trương Thanh G. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hoàng D có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

Từ những nhận định trên xét thấy hợp đồng thế chấp đảm bảo tính hợp pháp và Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng trong trường hợp bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà D phải nộp theo quy định. Do yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ nên bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G phải chịu toàn bộ án phí. Ngân hàng N được nhận tại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự còn được kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 91, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37, 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Lê Gia L, sinh ngày 19/8/2016 cho bà Lê Thúy D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trương Thanh G chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Thanh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G (do bà Lê Thúy D đại diện).

Buộc bà Lê Thúy D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 387.268.150 đ (*Ba trăm tám mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn một trăm năm mươi đồng*), trong đó tiền gốc 225.000.000 đ, lãi trong hạn 112.432.192 đ, lãi quá hạn 49.835.959 đ.

Buộc ông Trương Thanh G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 387.268.150 đ (*Ba trăm tám mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn một trăm năm mươi đồng*), trong đó tiền gốc 225.000.000 đ, lãi trong hạn 112.432.192 đ, lãi quá hạn 49.835.959 đ.

Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Lê Thúy D và ông Trương Thanh G không có khả năng trả nợ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7003-LCP-201700847, ngày 08/12/2017.

Về án phí: Bà Lê Thúy D phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai thu tiền số 0000769, ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, bà Lê Thúy D không phải nộp thêm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thúy D phải nộp số tiền là 19.363.407 đ (*Mười chín triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm lẻ bảy đồng*). Ông Trương Thanh G phải nộp số tiền là 19.363.407 đ (*Mười chín triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm lẻ bảy đồng*). Ngân hàng N được nhận lại 13.809.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm lẻ chín ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020889, ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Nhận tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Thị Mỹ Trúc